

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/DS-PT
Ngày 24-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Trung Dũng.
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Nguyễn Văn Tài; Ông Đào Minh Đa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLPT-DS ngày 04/3/2019 về việc “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2018/DSST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số 4 đường 13, tổ 5, khu phố 5, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu Phương, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 535 Đại lộ B, phường H, thành phố T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26/9/2017); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV xúc tiến đầu tư K - Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp. Địa chỉ: Ô 4, Lô 3, đường số 3, trung tâm thương mại B Square, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Minh N. Chức vụ: Chủ tịch công ty, là người đại diện theo pháp luật; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH T VN. Địa chỉ: khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1988; địa chỉ: Lô 35L, đường N2, KDC K8, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

- *Nguyên đơn trình bày:* Ông Nguyễn Văn S là nhân viên Công ty TNHH T VN (sau đây viết tắt là Công ty T). Ngày 26/4/2016, ông Nguyễn Văn S và Công ty TNHH MTV xúc tiến đầu tư K – Trung tâm hỗ trợ Doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Công ty K) do bà Lê Thị Cẩm N đại diện, ký kết hợp đồng dịch vụ về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty T với nội dung: Công ty K thực hiện dịch vụ tư vấn, hỗ trợ soạn thảo hồ sơ, nộp hồ sơ và nhận kết quả để bổ sung ngành nghề giấy chứng nhận đầu tư; Bổ sung ngành nghề giấy chứng nhận đầu tư sản xuất sản phẩm nhựa, lắp ráp hàng điện tử, sản xuất trang phục dệt kim, đan móc.... Giá trị hợp đồng là 117.000.000 đồng. Thời gian thực hiện dịch vụ là 90 ngày làm việc kể từ ngày Công ty K nhận được đầy đủ hồ sơ. Theo hợp đồng, nếu Công ty K không thực hiện được từng nội dung công việc như thỏa thuận sẽ phải thanh toán lại chi phí cho ông Nguyễn Văn S. Ngay sau khi ký hợp đồng, ông Nguyễn Văn S đã tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng và cung cấp đầy đủ hồ sơ cần thiết cho bà Lê Thị Cẩm N. Quá thời gian 90 ngày nhưng Công ty K không thực hiện được nội dung đã thỏa thuận. Do đó, ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Công ty K trả lại số tiền 50.000.000 đồng.

- *Bị đơn trình bày:* Công ty K hoạt động với quy mô nhỏ nên không thuê nhân viên. Ông Đặng Minh N (là người đại diện theo pháp luật của Công ty K) có chung sống như vợ chồng với bà Lê Thị Cẩm N. Trong thời gian ông Đặng Minh N đi công tác thì để dấu của Công ty K ở nhà (đồng thời là Công ty) nên khi bà Lê Thị Cẩm N sử dụng dấu để ký hợp đồng dịch vụ với ông Nguyễn Văn S thì ông Đặng Minh N không biết. Bà Lê Thị Cẩm N không phải là nhân viên Công ty K, ông Đặng Minh N cũng không ủy quyền cho bà Lê Thị Cẩm N ký hợp đồng dịch vụ với ông Nguyễn Văn S. Do Công ty K không ký hợp đồng dịch vụ với ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Cẩm N không phải là người đại diện của Công ty mà thực hiện việc ký hợp đồng nên hợp đồng không có giá trị pháp lý. Vì vậy, Công ty K không chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ theo hợp đồng do bà Lê Thị Cẩm N xác lập cùng ông Nguyễn Văn S, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T VN trình bày:* Vào ngày 01/12/2015, Công ty T có giao cho ông Nguyễn Văn S làm giấy phép để xin thêm ngành nghề kinh doanh nhưng đến ngày 15/3/2018 ông Nguyễn Văn S đã nghỉ việc và chưa hoàn thành công việc. Tuy nhiên, việc tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn S và Công ty K thì Công ty T không ý kiến. Công ty T sẽ tham gia khi có tranh chấp giữa Công ty T và ông Nguyễn Văn S.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm N:* đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2018/DSST ngày 17/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đối với bị đơn Công ty TNHH một thành viên xúc tiến đầu tư K – Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/10/2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; người đại diện của bị đơn Ông Đặng Minh N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm N vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định hợp đồng giữa ông Nguyễn Văn S và Công ty K không được thực hiện và chủ thể ký hợp đồng không có thẩm quyền ký hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng dịch vụ ngày 26/4/2016 vô hiệu là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là giải quyết vụ án chưa triệt để. Do đó, đề nghị hủy án bản sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn Công ty K là Ông Đặng Minh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T, bà Lê Thị Cẩm N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt những đương sự trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 26/4/2016, ông Nguyễn Văn S và Công ty K do bà Lê Thị Cẩm N làm đại diện (*chức vụ: Giám đốc, bà Lê Thị Cẩm N ký và có đóng dấu của Công ty K*) ký với nhau hợp đồng dịch vụ với nội dung: Bổ sung ngành nghề giấy chứng nhận đầu tư sản xuất sản phẩm nhựa, lắp ráp hàng điện tử, sản xuất trang phục dệt kim, đan móc...Giá trị hợp đồng là 117.000.000 đồng, tạm ứng 50.000.000 đồng. Thời gian thực hiện dịch vụ là 90 ngày làm việc

kể từ ngày Công ty K nhận được đầy đủ hồ sơ. Hoàn trả lại toàn bộ khoản tiền đã nhận ứng trước khi không thể thực hiện hợp đồng. Quá thời hạn 90 ngày nhưng Công ty K không thực hiện nội dung đã thỏa thuận, do đó, ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Công ty K trả lại số tiền 50.000.000 đồng.

[3] Căn cứ biên bản xác minh ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T tại Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương về việc nộp và nhận kết quả giải quyết đối với hồ sơ bổ sung ngành nghề của Công ty TNHH T có cơ sở xác định hợp đồng dịch vụ do bà Lê Thị Cẩm N xác lập cùng ông Nguyễn Văn S đã không được thực hiện. Nguyên đơn không chứng minh được việc xác lập giao dịch giữa ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Cẩm N được người đại diện theo pháp luật của Công ty K đồng ý hoặc có biết hay đã thực hiện được một phần của hợp đồng. Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm N cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc giao kết hợp đồng của bà đối với ông Nguyễn Văn S được người đại diện theo pháp luật của Công ty đồng ý hay Công ty ủy quyền hoặc số tiền thu được từ hợp đồng đã được Công ty đưa vào sử dụng. Do hợp đồng không được thực hiện và chủ thể ký hợp đồng không có thẩm quyền ký hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng dịch vụ ngày 26/4/2016 bị vô hiệu theo quy định tại Điều 122, 127 của Bộ luật Dân sự năm 2005 là phù hợp. Hậu quả của hợp đồng vô hiệu là các bên trao trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó, bà Lê Thị Cẩm N phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền 50.000.000 đồng đã nhận. Về lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu: Ông Nguyễn Văn S có lỗi là khi giao kết hợp đồng không tìm hiểu rõ về người đại diện theo pháp luật của Công ty K; bà Ngân có lỗi là tuy không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty K nhưng vẫn tiến hành giao kết hợp đồng với ông Nguyễn Văn S. Do cả hai bên đều có lỗi nên không phải bồi thường thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng dịch vụ ngày 26/4/2016 vô hiệu nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là chưa giải quyết vụ án toàn diện, triệt để.

[4] Kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S là có căn cứ.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp một phần.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 147; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2018/DSST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân

thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S.

1.2. Tuyên bố hợp đồng dịch vụ ngày 26/4/2016 giữa ông Nguyễn Văn S và Công ty K vô hiệu.

1.3. Buộc bà Lê Thị Cẩm N phải trả lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

1.4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Cẩm N phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T trả lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng (do bà Nguyễn Thị Thu P nộp) theo Biên lai số 0022863 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trung Dũng